

Bản án số: 74/2024/DS-ST
Ngày 04-9-2024
V/v “Tranh chấp Hợp đồng vay
tài sản và mua bán tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HÒA - TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Vân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Khắc Hiếu và bà Phan Thị Oanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Cao Thu Hà – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thu Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 157/2024/TLST-DS ngày 08 tháng 7 năm 2024 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản và mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 131/2024/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Vợ chồng ông Trần T, sinh năm 1974 và bà Trần Thị Thu H, sinh năm 1983; Địa chỉ: D T, Phường F, thành phố T, tỉnh Phú Yên; *Người đại diện theo uỷ quyền:* Ông Võ Hoàng Q, sinh năm 1991; Địa chỉ: 1 N, Phường F, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Có mặt tại phiên tòa.

2. *Bị đơn:* Bà Phạm Thị P, sinh năm 1972; Nơi thường trú: Khu phố N, Phường G, thành phố T, tỉnh Phú Yên; *Chỗ ở:* 1 T, Phường F, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn và người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn thống nhất trình bày: Nguyên đơn vợ chồng ông Trần T và bà Trần Thị Thu H là cửa hàng buôn bán dầu, bị đơn bà Phạm Thị P là người mua dầu. Quá trình làm ăn với nhau, bị đơn có nợ tiền của nguyên đơn số tiền 200.523.000 đồng (Trong đó: Tiền dầu là 190.523.000 đồng, tiền mượn là 10.000.000 đồng). Ngày 21/7/2023, bị đơn có chốt sổ nợ tiền dầu và

tiền mượn với tổng số tiền trên. Từ ngày chốt sổ nợ cho đến nay, bị đơn chưa trả cho ông Trần T số tiền 50.000.000 đồng theo như bị đơn trình bày. Hiện bị đơn còn nợ nguyên đơn với tổng số tiền 200.523.000 đồng mặc dù nhiều lần nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả nợ nhưng cố tình không muốn trả nợ. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền còn nợ là 200.523.000 đồng và tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ theo quy định pháp luật 10%/năm, kể từ ngày thụ lý vụ án là ngày 08/7/2024 đến ngày Toà án xét xử sơ thẩm.

Bị đơn bà Phạm Thị P trình bày: Trước đây bà có mua dầu của vợ chồng ông Trần T và bà Trần Thị Thu H, còn nợ tiền dầu là 190.523.000 đồng, tiền mượn là 10.000.000 đồng, tổng cộng còn nợ số tiền 200.523.000 đồng tại Giấy chốt sổ ngày 21/7/2023. Sau đó khoảng 17 giờ vào tháng 8/2023, bà có trả cho ông Trần T số tiền 50.000.000 đồng nhưng không có giấy tờ gì, hiện bà còn nợ vợ chồng ông Trần T và bà Trần Thị Thu H số tiền 150.523.000 đồng. Do hiện tại khó khăn nên bà xin trả dần 2.000.000 đồng/tháng cho đến trả hết số nợ 150.523.000 đồng và xin không phải trả tiền lãi.

Tại phiên tòa:

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và các ý kiến đã trình bày.

Bị đơn bà Phạm Thị P giữ nguyên ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 430, 440, 463, 466, 468, 469 Bộ luật Dân sự. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 200.523.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật 10%/năm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn vợ chồng ông Trần T và bà Trần Thị Thu H khởi kiện bị đơn bà Phạm Thị P yêu cầu trả tiền mua dầu và tiền mượn với tổng số tiền là 200.523.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật nên xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản và mua bán tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng Dân sự. Bị đơn bà Phạm Thị P cư trú tại thành phố T theo quy định tại

điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về yêu cầu trả nợ của nguyên đơn: Quá trình làm ăn với nhau, bị đơn có nợ tiền của nguyên đơn với tổng số tiền 200.523.000 đồng (Trong đó: Tiền đầu là 190.523.000 đồng, tiền mượn là 10.000.000 đồng). Tại Giấy chốt sổ ngày 21/7/2023, bị đơn có ký và xác nhận còn nợ số tiền trên. Từ ngày chốt sổ nợ cho đến nay, bị đơn chưa trả cho nguyên đơn mặc dù nhiều lần nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả nợ nhưng cố tình không muốn trả nợ nên đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn trình bày sau khi chốt sổ ngày 21/7/2023, bị đơn đã trả cho ông Trần T số tiền 50.000.000 đồng nhưng hết thời hạn theo Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ số 55/2024/QĐ-CCTLCC ngày 06/8/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hoà về việc yêu cầu bị đơn cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh đã trả cho ông Trần T số tiền 50.000.000 đồng nhưng bị đơn không cung cấp được. Vì vậy, xét yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả nợ với tổng số tiền 200.523.000 đồng (Trong đó: Tiền đầu là 190.523.000 đồng, tiền mượn là 10.000.000 đồng) là phù hợp với quy định tại các Điều 440, 466 Bộ luật Dân sự, quy định về nghĩa vụ trả tiền của bên mua và nghĩa vụ trả nợ của bên vay nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn bà Phạm Thị P phải trả cho nguyên đơn vợ chồng ông Trần T, bà Trần Thị Thu H số tiền 200.523.000 đồng.

[2.2] Về yêu cầu trả tiền lãi của nguyên đơn: Nguyên đơn vợ chồng ông Trần T, bà Trần Thị Thu H yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật 10%/năm, kể từ ngày thụ lý vụ án (ngày 08/7/2024) đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm (ngày 04/9/2024), Hội đồng xét xử xét thấy: Tại Giấy chốt sổ ngày 21/7/2023, các đương sự không thoả thuận thời hạn trả và tiền lãi. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh về việc trả lãi cho nguyên đơn. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi theo quy định pháp luật 10%/năm, kể từ ngày thụ lý vụ án (ngày 08/7/2024) đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm (ngày 04/9/2024) là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu tính lãi của nguyên đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 357, khoản 4 Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự. Thời gian tính lãi được tính từ ngày thụ lý vụ án (ngày 08/7/2024) đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm (ngày 04/9/2024) là 01 tháng 26 ngày $\times 200.523.000 \text{ đồng} \times 10\%/năm = 3.119.247 \text{ đồng}$.

[2.3] Vì vậy, bị đơn bà Phạm Thị P phải trả cho nguyên đơn vợ chồng ông Trần T, bà Trần Thị Thu H tổng số tiền 203.642.247 đồng (Trong đó: Tiền nợ 200.523.000 đồng, tiền lãi 3.119.247 đồng).

[3] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 357, 430, 440, 463, 466, 468, 469 Bộ luật Dân sự.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vợ chồng ông Trần T, bà Trần Thị Thu H.

Buộc bị đơn bà Phạm Thị P phải trả cho nguyên đơn vợ chồng ông Trần T, bà Trần Thị Thu H tổng số tiền 203.642.247 đồng (Trong đó: Tiền nợ 200.523.000 đồng, tiền lãi 3.119.247 đồng) về khoản tiền vay và mua bán tài sản.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại các Điều 357, 468 Bộ luật Dân sự.

Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Bị đơn bà Phạm Thị P phải chịu số tiền 10.182.112 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho nguyên đơn vợ chồng ông Trần T, bà Trần Thị Thu H số tiền 5.013.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002691 ngày 04 tháng 7 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND TP. Tuy Hòa;
- Chi cục THADS TP. Tuy Hoà;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Thanh Vân

